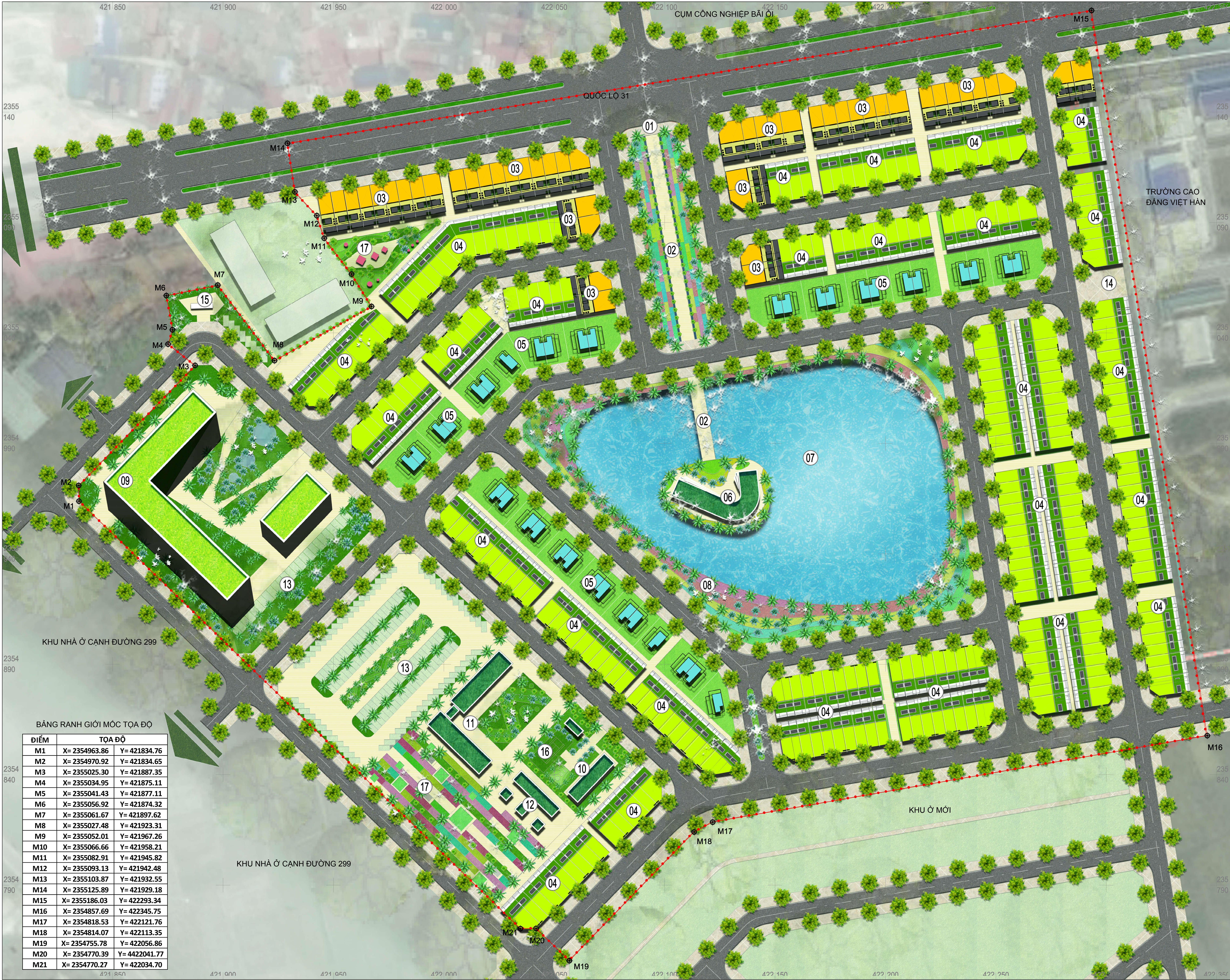




B

0M

10

20

30

50M

KÝ HIỆU

RANH GIỚI QUY HOẠCH

GHI CHÚ

1. CÔNG VÀO KHU ĐÔ THỊ

2. KHU QUẢNG TRƯỜNG CÂY XANH, PHỐ ĐI BỘ

3. NHÀ PHỐ THƯƠNG MẠI

4. NHÀ LIỀN KÈ

5. BIỆT THỰ SONG LẬP

6. NHÀ CẦU LẠC BỘ, NHÀ HÀNG, GYM, SPA, MASSAGE...

7. HỒ CẢNH QUAN

8. CÔNG VIÊN TRUNG TÂM

9. NHÀ Ờ XÃ HỘI

10. NHÀ VĂN HÓA

11. TRƯỜNG MẦM NON

12. TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

13. BÃI ĐỒ XE

14. CÔNG TRƯỜNG VIỆT HÀN

15. GA RÁC

16. SÂN THỂ DỤC THỂ THAO

17. KHUÔN VIÊN CÂY XANH, CHỖ DỊCH VỤ

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 2650 / QĐ - UBND, NGÀY 31 / 10 / 2018

CƠ QUAN THỎA THUẬN

SỞ XÂY DỰNG TỈNH BẮC GIANG

KÈM THEO CÔNG VẤN SỐ 2224 / SXD - QHKT, NGÀY 16 / 10 / 2018

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ TP BẮC GIANG

KÈM THEO BC THẨM ĐỊNH SỐ 114 / BC - QLĐT, NGÀY 30 / 10 / 2018

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THÀNH ĐỘ BẮC GIANG
CỤM CÔNG NGHIỆP ĐƯỜNG CẦU CHÁY, XÃ ĐỊNH TRÍ, THÀNH PHỐ BẮC GIANG, TỈNH BẮC GIANG

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ 05 / TTr - TĐBG, NGÀY 14 / 09 / 2018

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM

QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500
KHU ĐÔ THỊ CẠNH TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ VIỆT HÀN
XÃ ĐỊNH TRÍ - THÀNH PHỐ BẮC GIANG - TỈNH BẮC GIANG

TÊN BẢN VẼ

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC CẢNH QUAN

BẢN VẼ

QH04

GHÉP

1 A0

TỶ LỆ

FIT A0

NGÀY

...../2018

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

THS. KTS. NGUYỄN HOÀNG HƯNG

THIẾT KẾ

KTS. TRỊNH DIỆU NI

THỂ HIỆN

KTS. THIẾU THỊ XUÂN

KTS. LÊ THỊ THẢO

KTS. TẠ THU HƯỜNG

Q.L.K.T

THS.KTS. NGUYỄN HOÀNG HƯNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN QUY HOẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ HÀ NỘI
TẦNG 7, 262 LÊ TRỌNG TẤN, KHUỶNG MẠI, THANH XUÂN, HÀ NỘI
TEL: +84 8 362850589 Fax: +84 8 362850589

GIÁM ĐỐC

THS.KTS. NGUYỄN HOÀNG HƯNG

BẢNG RANH GIỚI MỐC TỌA ĐỘ

ĐIỂM	TỌA ĐỘ	
M1	X= 2354963.86	Y= 421834.76
M2	X= 2354970.92	Y= 421834.65
M3	X= 2355025.30	Y= 421887.35
M4	X= 2355034.95	Y= 421875.11
M5	X= 2355041.43	Y= 421877.11
M6	X= 2355056.92	Y= 421874.32
M7	X= 2355061.67	Y= 421897.62
M8	X= 2355027.48	Y= 421923.31
M9	X= 2355052.01	Y= 421967.26
M10	X= 2355066.66	Y= 421958.21
M11	X= 2355082.91	Y= 421945.82
M12	X= 2355093.13	Y= 421942.48
M13	X= 2355103.87	Y= 421932.55
M14	X= 2355125.89	Y= 421929.18
M15	X= 2355186.03	Y= 422293.34
M16	X= 2354857.69	Y= 422345.75
M17	X= 2354818.53	Y= 422121.76
M18	X= 2354814.07	Y= 422113.35
M19	X= 2354755.78	Y= 422056.86
M20	X= 2354770.39	Y= 4422041.77
M21	X= 2354770.27	Y= 422034.70

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC CẢNH QUAN QH04